

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2026
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lê Đăng Phương và ông Cao Hoàng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1996 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số E, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số E, ấp C, xã C, tỉnh An Giang).

2. *Bị đơn:* Ông YE, JIANGHUAI, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A N, thôn N, trấn C, huyện C, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Y, JIANGHUAI kết hôn vào ngày 03/6/2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống được 01 tháng, thì xảy ra nhiều mâu thuẫn và bà D đã trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Nay bà Nguyễn Thị Mỹ D không

còn tình cảm với ông Y, JIANGHUI, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Y, JIANGHUI.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Y, JIANGHUI không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt Thông báo thụ lý; Lịch làm việc của Tòa án cho bị đơn ông Y, JIANGHUI. Kết quả ủy thác tư pháp đã được thực hiện vào ngày 28/7/2025 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự nhưng ông Y, JIANGHUI không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Mỹ D cư trú tại xã C, tỉnh An Giang khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Y, JIANGHUI cư trú tại nước Cộng hòa Nhân dân T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Y, JIANGHUI đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Lịch làm việc của Tòa án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng ông Y, JIANGHUI không gửi văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Y, JIANGHUI tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 03/6/2023 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Qua lời trình bày của bà D trong đơn khởi kiện và phiên hòa giải, Hội đồng xét xử xét thấy sau khi kết hôn khoảng 01 tháng, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà D đã trở về Việt Nam sinh sống, không còn liên lạc và không còn tình cảm vợ chồng với ông Y, JIANGHUI. Xét thấy mục đích hôn nhân của bà D và ông Y, JIANGHUI không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà D được ly hôn với ông Y, JIANGHUI theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Căn cứ khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà D phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 238, Điều 469, khoản 4 Điều 147, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với ông Y, JIANGHUI.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0000252 ngày 01/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

3. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài đã nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000070 ngày 09/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; ông Y, JIANGHUI có quyền kháng cáo trong thời

hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC
tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã An Châu;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, Tòa GĐ&NCTN,
Phòng GĐ,KT,TT&THA, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu